

**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề
nghề “Kỹ thuật xây dựng”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15 / 2009 /TT - BLĐT BXH
ngày 20 tháng 05 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Kỹ thuật xây dựng

Mã nghề: 40580201

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá trung học phổ thông theo quy định Bộ giáo dục - Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 24

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

- Kiến thức:

+ Nêu được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng; trình bày được phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản và chuyên môn của các công việc của nghề Kỹ thuật xây dựng (đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốt pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả ma tít, sơn vôi) nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm;

+ Nêu được quy trình thi công các công việc được giao thực hiện;

+ Nêu được ứng dụng một số thành tựu kỹ thuật - công nghệ, vật liệu mới ở một phạm vi nhất định vào thực tế nơi làm việc;

+ Tổ chức sản xuất và tìm kiếm việc làm.

- Kỹ năng:

+ Đọc được bản vẽ kỹ thuật và xác định được vị trí, kích thước của công trình;

+ Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;

+ Làm được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốt pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả ma tít, sơn vôi và một số công việc khác: lắp đặt mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà;

+ Xử lý được các sai phạm nhỏ thường gặp trong quá trình thi công.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng.

- Chính trị, đạo đức

+ Chấp hành chủ trương, chính sách và Pháp luật của Nhà nước;

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ Dung Quất – www.dungquat.edu.vn

- + Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể và xã hội;
- + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng
 - + Thể chất:
 - Sức khỏe đạt yêu cầu theo phân loại của Bộ Y tế;
 - Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
 - + Quốc phòng:
 - Học sinh được trang bị đầy đủ kiến thức môn học giáo dục quốc phòng.

3. Cơ hội việc làm (các vị trí làm việc trong tương lai)

- + Làm thợ thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc các doanh nghiệp xây dựng;
- + Tự tổ chức tổ/nhóm thợ thực hiện các công việc của nghề xây dựng.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khoá học: 1,5 năm
- Thời gian học tập: 68 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2005 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1795 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 1395 giờ; Thời gian học tự chọn: 400 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 416 giờ; Thời gian học thực hành: 1379 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ.

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	145	52	13
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	14	0	1

MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng- An ninh	45	29	15	1
MH 05	Tin học	30	20	7	3
MH 06	Ngoại ngữ	60	57	0	3
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1395	341	972	82
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	180	136	28	16
MH 07	Vẽ kỹ thuật	75	41	28	6
MH 08	Bảo hộ lao động	30	27	0	3
MH 09	Điện kỹ thuật	30	27	0	3
MH 10	Vật liệu xây dựng	30	27	0	3
MH 11	Tổ chức sản xuất	15	14	0	1
<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	1215	205	944	66
MĐ 12	Đào móng	55	15	29	11
MĐ 13	Xây gạch	330	45	267	18
MĐ 14	Lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ	55	10	42	3
MĐ 15	Trát, láng	325	45	254	26
MĐ 16	Lát, ốp	95	15	74	6
MĐ 17	Bạ mát tít, sơn vôi	55	15	34	6
MĐ 18	Lắp đặt thiết bị vệ sinh	55	15	37	3
MĐ 19	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	95	15	74	6
MĐ 20	Gia công lắp đặt cốt thép	95	15	71	9
MĐ 21	Trộn, đổ, đầm bê tông	55	15	34	6
	Tổng cộng	1605	486	996	123

Ghi chú:- *Đối với môn học: thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành*

- *Đối với chương trình mô đun: thời gian kiểm tra được tính hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính vào giờ thực hành.*

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo).

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng trường/ cơ sở dạy nghề... sẽ xác định được danh

mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gọi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Xây đá	400	15	364	21
MĐ 23	Lắp đặt mạng điện sinh hoạt	150	30	112	8
MĐ 24	Lắp đặt đường ống cấp nước trong nhà	145	15	122	8
MĐ 25	Lắp đặt đường ống thoát nước khu vệ sinh	105	15	88	2
		400	60	322	18

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo).

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương cần có;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/ cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/ cơ sở của mình ;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo qui định;

+ Đảm bảo tỉ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo qui định:

Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm khoảng (20 - 30)% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ (65 - 85)% và kiến thức lý thuyết khoảng (15 - 35)%;

Theo chương trình khung đã xây dựng; Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn không vượt quá 400 giờ (trong đó lý thuyết không quá 75 giờ).

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường/ Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này, trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;

- Nếu Trường/ Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Trường/ Cơ sở của mình;

- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Trường/ Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun (có thể bố trí từ học kỳ III trở đi, tùy tính chất từng môn học, mô đun);

- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Trường/ Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.

2 Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn Thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị.	Viết, trắc nghiệm	Viết: không quá 120 phút Trắc nghiệm: không quá 60 phút
2	Văn hoá THPT đối với hệ tuyển sinh THCS	- Môn Toán: thi viết - Môn Vật lý, Hoá học: thi vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
3	Kiến thức, kỹ năng nghề.		
	- Lý thuyết nghề.	-Viết, trắc nghiệm -Vấn đáp	Viết: không quá 180 phút Vấn đáp: không quá 20 phút
	- Thực hành nghề.	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để học sinh có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/ Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp xây dựng, hoặc các công trình đang được xây dựng;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

4. Các chú ý khác:

Có thể lựa chọn các môn học, mô đun trong chương trình khung này để xây dựng chương trình đào tạo Sơ cấp nghề tùy theo nhu cầu của người học và phải đảm bảo tính liên thông khi người học có nhu cầu học lên Trung cấp nghề./.